

Phụ lục II

**DANH SÁCH NHỮNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CÓ THAY ĐỔI
VỀ TÊN VÀ MÃ SỐ SO VỚI THÔNG BÁO SỐ 915/CTK-CSCL
NGÀY 16/6/2025 CỦA CỤC THỐNG KÊ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 1027/CTK-CSCL ngày 25 tháng 6 năm 2025
của Cục Thống kê)*

Stt theo PL I	Mã số	Tên đơn vị hành chính	Tỉnh (thành phố)	Ghi chú
2	00082	Phường Cửa Nam	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
8	00292	Phường Bạch Mai	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
10	00229	Phường Kim Liên	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
11	00226	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
12	00199	Phường Láng	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
16	00331	Phường Hoàng Mai	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
17	00301	Phường Vĩnh Hưng	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
18	00322	Phường Tương Mai	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
21	00340	Phường Yên Sở	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
25	00166	Phường Cầu Giấy	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
39	00145	Phường Long Biên	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
40	00118	Phường Bồ Đề	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
52	00643	Phường Thanh Liệt	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
60	10342	Xã Đại Xuyên	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
62	10126	Xã Bình Minh	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
75	10045	Xã Xuân Mai	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
77	10096	Xã Hòa Phú	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
78	10072	Xã Quảng Bị	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
94	09982	Xã Hạ Bằng	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
95	10003	Xã Tây Phương	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
97	04930	Xã Yên Xuân	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số

Stt theo PL I	Mã số	Tên đơn vị hành chính	Tỉnh (thành phố)	Ghi chú
100	09910	Xã Kiều Phú	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
101	09952	Xã Phú Cát	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
103	09856	Xã Dương Hòa	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
104	09871	Xã Sơn Đồng	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
108	09787	Xã Liên Minh	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
111	00577	Xã Bát Tràng	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
113	00475	Xã Thư Lâm	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
123	00430	Xã Đa Phúc	Thành phố Hà Nội	Thay đổi mã số
179	01537	Xã Lý Quốc	Tỉnh Cao Bằng	Thay đổi mã số
180	01558	Xã Hạ Lang	Tỉnh Cao Bằng	Thay đổi mã số
181	01561	Xã Vinh Quý	Tỉnh Cao Bằng	Thay đổi mã số
391	03664	Phường Chiềng An	Tỉnh Sơn La	Thay đổi mã số
469	04606	Xã Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	Thay đổi mã số
474	04681	Phường Cầu Thia	Tỉnh Lào Cai	Thay đổi mã số
490	04309	Xã Lâm Thượng	Tỉnh Lào Cai	Thay đổi mã số
493	04342	Xã Khánh Hòa	Tỉnh Lào Cai	Thay đổi mã số
517	02671	Phường Cam Đường	Tỉnh Lào Cai	Thay đổi mã số
553	02782	Xã Cao Sơn	Tỉnh Lào Cai	Thay đổi mã số
576	05788	Xã Phú Lạc	Tỉnh Thái Nguyên	Thay đổi mã số
660	06004	Xã Quốc Khánh	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi mã số
683	06124	Xã Na Sầm	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi mã số
687	06172	Xã Hoàng Văn Thụ	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi tên
703	06436	Xã Thiện Tân	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi mã số
714	06211	Xã Cao Lộc	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi mã số
716	06196	Xã Ba Sơn	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi mã số
719	06187	Phường Kỳ Lừa	Tỉnh Lạng Sơn	Thay đổi tên
838	09370	Phường Tam Sơn	Tỉnh Bắc Ninh	Thay đổi mã số

Stt theo PL I	Mã số	Tên đơn vị hành chính	Tỉnh (thành phố)	Ghi chú
839	09385	Phường Đồng Nguyên	Tỉnh Bắc Ninh	Thay đổi mã số
840	09379	Phường Phù Khê	Tỉnh Bắc Ninh	Thay đổi mã số
880	08500	Xã Xuân Lũng	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
892	08173	Xã Quảng Yên	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
895	08218	Xã Chí Tiên	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
899	08038	Xã Chân Mộng	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
913	08377	Xã Văn Bán	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
916	08467	Xã Vạn Xuân	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
975	08746	Phường Xuân Hòa	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
978	05092	Xã Thung Nai	Tỉnh Phú Thọ	Thay đổi mã số
1031	11329	Phường Ngô Quyền	Tp Hải Phòng	Thay đổi mã số
1075	10507	Phường Thành Đông	Tp Hải Phòng	Thay đổi mã số
1076	10837	Phường Nam Đồng	Tp Hải Phòng	Thay đổi mã số
1079	10891	Phường Tứ Minh	Tp Hải Phòng	Thay đổi mã số
1134	10792	Xã An Thành	Tp Hải Phòng	Thay đổi mã số
1160	12223	Xã Triệu Việt Vương	Tỉnh Hưng Yên	Thay đổi mã số
1164	12073	Xã Yên Mỹ	Tỉnh Hưng Yên	Thay đổi mã số
1168	12004	Xã Như Quỳnh	Tỉnh Hưng Yên	Thay đổi mã số
1185	12916	Xã Bắc Thái Ninh	Tỉnh Hưng Yên	Thay đổi mã số
1207	12583	Xã Tân Tiến	Tỉnh Hưng Yên	Thay đổi mã số
1257	14614	Xã Khánh Hội	Tỉnh Ninh Bình	Thay đổi mã số
1346	13285	Phường Phù Lý	Tỉnh Ninh Bình	Thay đổi mã số
1347	13291	Phường Phù Vân	Tỉnh Ninh Bình	Thay đổi mã số
1348	13318	Phường Châu Sơn	Tỉnh Ninh Bình	Thay đổi mã số
1361	13669	Phường Nam Định	Tỉnh Ninh Bình	Thay đổi mã số
1368	13708	Phường Mỹ Lộc	Tỉnh Ninh Bình	Thay đổi mã số

Stt theo PL I	Mã số	Tên đơn vị hành chính	Tỉnh (thành phố)	Ghi chú
1384	16609	Phường Đào Duy Từ	Tỉnh Thanh Hóa	Sửa tên từ phường Đào Duy Từ
1398	16072	Xã Hoa Lộc	Tỉnh Thanh Hóa	Thay đổi mã số
1457	15715	Xã Tân Ninh	Tỉnh Thanh Hóa	Thay đổi mã số
1501	15106	Xã Nguyệt Ấn	Tỉnh Thanh Hóa	Thay đổi mã số
1502	15112	Xã Kiên Thọ	Tỉnh Thanh Hóa	Thay đổi mã số
1518	16222	Xã Thanh Quân	Tỉnh Thanh Hóa	Thay đổi mã số
1519	16213	Xã Thanh Phong	Tỉnh Thanh Hóa	Thay đổi mã số
1620	17170	Xã Quỳnh Sơn	Tỉnh Nghệ An	Thay đổi mã số
1630	17011	Phường Tây Hiếu	Tỉnh Nghệ An	Thay đổi mã số
1758	19138	Xã Phong Nha	Tỉnh Quảng Trị	Thay đổi mã số
1816	19789	Phường Thuận Hóa	Thành phố Huế	Thay đổi mã số
1819	19774	Phường Kim Long	Thành phố Huế	Thay đổi mã số
1820	19804	Phường Hương An	Thành phố Huế	Thay đổi mã số
1821	19753	Phường Phú Xuân	Thành phố Huế	Thay đổi mã số
1828	19858	Phường Phong Thái	Thành phố Huế	Thay đổi mã số
1841	20137	Xã Chân Mây - Lăng Cô	Thành phố Huế	Thay đổi mã số
1855	20305	Phường An Khê	Tp Đà Nẵng	Thay đổi mã số
1860	20194	Phường Hải Vân	Tp Đà Nẵng	Thay đổi mã số
1881	20875	Xã Lãnh Ngọc	Tp Đà Nẵng	Thay đổi mã số
2004	23302	Phường Đắk Bla	Tỉnh Quảng Ngãi	Đổi tên từ Phường Đắk BLA
2062	21901	Xã Ngõ Mây	Tỉnh Gia Lai	Thay đổi mã số
2063	21880	Xã Cát Tiến	Tỉnh Gia Lai	Thay đổi mã số
2064	21859	Xã Đề Gi	Tỉnh Gia Lai	Thay đổi mã số
2089	22006	Xã Canh Vinh	Tỉnh Gia Lai	Thay đổi mã số
2119	23954	Xã Al Bá	Tỉnh Gia Lai	Thay đổi tên
2181	22411	Phường Bắc Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số

Stt theo PL I	Mã số	Tên đơn vị hành chính	Tỉnh (thành phố)	Ghi chú
2217	22736	Đặc khu Trường Sa	Tỉnh Khánh Hòa	Lấy mã của thị trấn Trường Sa
2219	22780	Phường Đông Hải	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số
2227	22909	Xã Cà Ná	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số
2228	22900	Xã Phước Hà	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số
2229	22888	Xã Phước Dinh	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số
2231	22861	Xã Xuân Hải	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số
2232	22846	Xã Vĩnh Hải	Tỉnh Khánh Hòa	Thay đổi mã số
2271	24184	Xã Ea H'Leo	Tỉnh Đắk Lắk	Chỉnh sửa tên từ "Xã Ea H'leo"
2294	24472	Xã Hòa Sơn	Tỉnh Đắk Lắk	Thay đổi mã số
2314	22060	Xã Xuân Cảnh	Tỉnh Đắk Lắk	Thay đổi mã số
2327	22303	Xã Phú Hòa 2	Tỉnh Đắk Lắk	Thay đổi mã số
2420	23095	Xã Hàm Liêm	Tỉnh Lâm Đồng	Thay đổi mã số
2453	24718	Xã Đắk Song	Tỉnh Lâm Đồng	Chỉnh sửa tên từ xã Đắk song
2496	26332	Xã Xuân Quế	Tỉnh Đồng Nai	Thay đổi mã số
2520	25450	Xã Nha Bích	Tỉnh Đồng Nai	Thay đổi mã số
2526	25333	Phường An Lộc	Tỉnh Đồng Nai	Thay đổi mã số
2542	25252	Xã Phú Riêng	Tỉnh Đồng Nai	Thay đổi mã số
2629	27154	Phường Bàn Cờ	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2640	27364	Phường Bình Phú	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2671	26890	Phường Hạnh Thông	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2672	26876	Phường An Nhơn	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2675	26898	Phường Thông Tây Hội	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2687	27019	Phường Tân Sơn Nhì	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2691	26809	Phường Hiệp Bình	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2693	26803	Phường Tam Bình	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số

Stt theo PL I	Mã số	Tên đơn vị hành chính	Tỉnh (thành phố)	Ghi chú
2694	26800	Phường Linh Xuân	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2702	27094	Phường An Khánh	Tp Hồ Chí Minh	Thay đổi mã số
2948	29857	Xã Lục Sĩ Thành	Tỉnh Vĩnh Long	Thay đổi tên
2956	29740	Xã Song Phú	Tỉnh Vĩnh Long	Thay đổi mã số
3168	31207	Phường Thốt Nốt	Tp Cần Thơ	Đổi mã số
3169	31228	Phường Thuận Hưng	Tp Cần Thơ	Đổi mã số